

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày 09/5/2023
“*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07/3/2023 và ngày 09/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023, về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Minh S, sinh năm 1962, địa chỉ: Số A, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Minh S: Bà Trần Lệ Q, địa chỉ: Số B đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977, địa chỉ: Số A đường H, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thôi Ngọc C, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Bà Phan Thị T1.

Cùng địa chỉ: Số A ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thỏi Ngọ c C và bà Phan Thị T1: Bà Trần Lê Q, địa chỉ: Số B đ ư ờ ng N, ấ p V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông La Trọng Q1, sinh năm 1973, địa chỉ: Số A đ ư ờ ng H, ấ p C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ông La Trọng Q2, sinh năm 2005, địa chỉ: Số A đ ư ờ ng H, ấ p C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Minh S và bà Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Minh S trình bày:

Ông được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V848207, ngày 06/9/2002 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 90, diện tích 3.707,9m², vị trí đất ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nguồn gốc đất là được ông Thỏi Vă n T2 tặng cho vợ chồng ông S và bà C vào năm 2002). Trong quá trình ông sử dụng thửa đất này thì bị bà Nguyễn Thị Thu T lấn chiếm một phần diện tích đất có chiều ngang cấp mặt Huyện lộ 14 khoảng 10m, chiều dài cạnh từ dưới lên đến phía sau nhà bà Nguyễn Thị Thu T khoảng 2,9m, theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích là 367,5m². Trên phần đất tranh chấp hiện nay có mái che do bà T xây dựng và có phần bức tường do ông S xây làm hàng rào. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu T trả lại phần đất đã lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc thực tế nêu trên, đối với diện tích đất tranh chấp thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ruột bà là ông Nguyễn Vă n T3 tặng cho vào năm 2006, cạnh chiều ngang giáp huyện lộ 14 là 22,8m, cạnh chiều dài từ mí lộ đến hết đất, phần đất của bà là đất thổ cư giáp ranh với phần đất lúa của ông S. Thời điểm năm 2002, ông S đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 01 đã đăng ký chồng lấn qua một phần đất của bà diện tích 620,5m² mà bà không hay biết. Đến năm 2006, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 15, tờ bản đồ số 90, diện tích 560,5m². Vì vậy, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thỏi Ngọ c C, bà Phan Thị T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh S và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông La Trọng Q1 thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu T và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông La Trọng Q2 không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh S về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất có diện tích 162,0 m², có vị trí 4,5,15,16,17,18,19,20,14,4, thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 90, địa chỉ đất ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông La Trọng Q1, ông La Trọng Q2 có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Minh S phần đất có diện tích 162,0 m², có vị trí 4,5,15,16,17,18,19,20,14,4, thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 90, địa chỉ đất ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất có số đo các cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp với phần đất tranh chấp, có số đo 9,51m + 2,30m + 2,25m + 8,14m.

+ Hướng Tây giáp với thửa số 54, có số đo 4,53m.

+ Hướng Nam giáp với đất bà Nguyễn Thị Thu T, có số đo 53,54m.

+ Hướng Bắc giáp với đất ông Phan Minh S, có số đo 52,44m + 12,31m + 10,18m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh S về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 167,8 m², đất có vị trí vị trí 10', 11,12,13,14,20,19,18,17,17',10', thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 90, địa chỉ đất ấp C, thị trấn N M, huyện N M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp với phần đất tranh chấp số (1), có số đo 10,63m.

+ Hướng Tây giáp với phần đất tranh chấp số (3), có số đo 9,51m + 2,30m + 2,25m.

+ Hướng Nam giáp với đất bà Nguyễn Thị Thu T, có số đo 1,60m + 3,61m + 14,95m + 1,42m.

+ Hướng Bắc giáp với đất ông Phan Minh S và phần đất tranh chấp số (3), có số đo 6,10m + 8,14m.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất tranh chấp thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng có diện tích 37,7 m², có vị trí 9,10,10',17',9, địa chỉ đất ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất có số đo các cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp với Huyện L, có số đo 10,94m.

- + *Hướng Tây giáp với phần đất tranh chấp số (2), có số đo 10,63 m.*
 - + *Hướng Nam giáp với đất bà Nguyễn Thị Thu T, có số đo 3,50m.*
 - + *Hướng Bắc giáp với đất ông Phan Minh S, có số đo 3,52m.*
- (Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất).’’*

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/11/2022, ông Phan Minh S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 30/11/2022, bà Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông S và bà C trả lại cho bà diện tích đất 620,5m² tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 90, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M và sửa lại hàng rào cho đúng cọc ranh cũ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phan Minh S, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất đang tranh chấp theo kết quả thẩm định và đo đạc lại của cấp phúc thẩm có sự chứng kiến và chỉ ranh của các bên đương sự như sau: Phần đất tranh chấp có diện tích 261,7m², có số đo tứ cận:

- Hướng Đông bắc giáp thửa số 01 của ông Phan Minh S có các số đo: 52,52m + 11,43m + 15,32m.
- Hướng Đông nam giáp huyện lộ 56 (huyện lộ 14 cũ) có số đo là 3,67m.
- Hướng Tây nam giáp thửa đất số 15 của bà Nguyễn Thị Thu T có các số đo: 53,57m + 3,33m + 4,13m + 13,61m.
- Hướng Tây bắc giáp đất của bà T4 có số đo là 5,02m.

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp là đất trống, không có trồng cây lâu năm và không có xây dựng công trình, tuy nhiên trên cạnh hướng Tây bắc và Tây nam của phần đất tranh chấp thì ông Phan Minh S có đổ các trụ bê tông cốt thép vào năm 2019 để chuẩn bị xây dựng hàng rào nhưng các bên phát sinh tranh chấp.

[2] Qua xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhõn dõn huyệ n M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Phan Minh S ngày 06/9/2002 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ 90, diện tích 3.707,9m². Diện tích thực tế phía ông S đang quản lý sử dụng (không bao gồm diện tích đất tranh chấp nêu trên) là 2.901m² vẫn còn thiếu so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Qua xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhõn dõn huyệ n M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 15/3/2006 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ 90, diện tích 560,5m². Diện tích thực tế phía phía bà T đang quản lý sử dụng (không bao gồm diện tích đất tranh chấp nêu trên) là 736,3m² là thừa so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Đối chiếu số đo các cạnh của thửa đất số 15 được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hiện trạng thực tế của thửa đất theo sự chỉ ranh của bà T là chưa phù hợp, cụ thể: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cạnh hướng Đông nam (phía mặt tiền) giáp huyện lộ 56 (trước đây là huyện lộ 14) có số đo là 19m, nhưng theo sự chỉ ranh của bà T thì có số đo là 21,86m, chênh lệch 2,86m; tương tự cạnh hướng Tây bắc (phía sau hậu) giáp đất của bà T4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số đo là 8,35m, nhưng theo sự chỉ ranh của bà T thì có số đo là 13,37m, chênh lệch 5,02m. Bà T lý giải việc chênh lệch nêu trên là vì ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chõng lãn qua đất của bà. Tuy nhiên qua xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 15 và sơ đồ đo đạc khi làm thủ tục cấp giấy đều thể hiện cụ thể số đo từng cạnh của thửa đất số 15 (kể cả cạnh giáp ranh với thửa đất số 01 của ông S), khi đó bà T đều đồng ý với kết quả đo đạc và giấy chứng nhận được cấp, không có khiếu nại hoặc phát sinh tranh chấp gì với ông S. Đồng thời tại biên bản hòa giải của UBND thị trấn n M, bà T trình bày “*Vào tháng 6 năm 2019 bà T5 xây hàng rào, bà Trúc xây lãn qua phần đất hơn 01m ngang phía trước còn phía sau không có lãn chiếm...*”, bà không có nêu việc ông S đăng ký quyền sử dụng đất chõng lãn qua đất bà 620,5m². Ngoài ra, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà T yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tuy nhiên trong phần đất tranh chấp có một phần diện tích 31,8m² (ký hiệu phần 2 trong sơ đồ kèm theo bản án) là thuộc quyền sử dụng của thửa đất số 15 nhưng phía nguyên đơn chỉ ranh chưa chính xác, nên không chấp nhận yêu cầu của ông S về việc buộc bà T trả lại diện tích đất này, vì vậy kháng cáo của ông S chỉ có cơ sở chấp nhận một phần.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là không chấp nhận yêu cầu kháng của bà Nguyễn Thị Thu T và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Minh S.

[7] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm là 11.880.000 đồng, ông S và bà T mỗi người phải chịu 50%, ông S đã nộp tạm ứng trước chi phí nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông S số tiền 5.940.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng, ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Minh S sửa bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh S về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Trọng Q1, ông La Trọng Q2 có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Minh S và bà Thới Ngọc C phần đất có diện tích 229,9 m², thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 90, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có các điểm tọa độ trong sơ đồ kèm theo bản án là: 4, 5, 18, 19, 20, 21, 11, 12, 22, 14, 15, 16, 17, 4 (ký hiệu phần số 1); về số đo các cạnh phần đất như sau:

- Hướng Đông bắc giáp thửa số 01 của ông Phan Minh S có các số đo: 52,52m + 11,43m + 2,58m + 8,14m + 4,6m.

- Hướng Đông nam giáp huyện lộ 56 (huyện lộ 14 cũ) có số đo là 2,86m.

- Hướng Tây nam giáp thửa đất số 15 của bà Nguyễn Thị Thu T có các số đo: 53,57m + 3,33m + 4,13m + 6,27m + 10,3m.

- Hướng Tây bắc giáp đất của bà T4 có số đo là 5,02m.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T trả lại diện tích đất 31,8m², thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 90, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có các điểm tọa độ trong sơ đồ kèm theo bản án là: 12, 13, 14, 22, 12 (ký hiệu phần số 2); về số đo các cạnh phần đất như sau:

- Hướng Đông bắc giáp thửa số 01 của ông Phan Minh S có số đo 10,3m.
- Hướng Đông nam giáp huyện lộ 56 (huyện lộ 14 cũ) có số đo là 0,81m.
- Hướng Tây nam giáp phần còn lại của thửa đất số 15 (của bà Nguyễn Thị Thu T) có số đo là 13,61m
- Hướng Tây bắc giáp thửa số 01 của ông Phan Minh S có số đo là 6,27m.

3. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất tranh chấp thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng có diện tích 18,2m², tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có thể hiện trong sơ đồ kèm theo bản án).

4. Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Ông Phan Minh S phải chịu là 7.482.000 đồng (bảy triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng), ông Phan Minh S đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu là 5.898.000 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), ông Phan Minh S đã nộp tạm ứng trước chi phí tố tụng nên bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho ông S.

5. Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Ông Phan Minh S phải chịu là 5.940.000 đồng (năm triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng), ông Phan Minh S đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu là 5.940.000 đồng (năm triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng), ông Phan Minh S đã nộp tạm ứng trước chi phí tố tụng nên bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho ông S.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Phan Minh S được miễn nộp tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005469 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số

0005623 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Phan Minh S không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0005622 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận